

Long Khánh, ngày 8 tháng 9 năm 2025

Số: 05 /KH – TH,THCS&THPT

## KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2025 - 2026

Căn cứ Quyết định số 2269/QĐ-BGDĐT ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 1334/SGDĐT-GDPT&GDTX ngày 03/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025 – 2026;

Căn cứ Công văn số 1398/SGDĐT-GDPT&GDTX ngày 04/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương năm học 2025 – 2026;

Căn cứ Công văn số 1399/HD-SGDĐT ngày 05/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ chính trị tư tưởng, công tác học sinh – sinh viên; công tác truyền thông chính sách, truyền thông giáo dục và đào tạo tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, năm học 2025 – 2026;

Căn cứ Công văn số 1456/SGDĐT-GDPT&GDTX ngày 09/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh; quốc phòng, quân sự, phòng chống khủng bố, phòng thủ dân sự năm học 2025 – 2026;

Căn cứ Công văn số 1468/SGDĐT-QLCL ngày 09/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng năm học 2025 – 2026;

Căn cứ kết quả đạt được của năm học 2024 - 2025 và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học 2025 – 2026;

Trường TH,THCS&THPT Liên Kết Quốc Tế xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 – 2026, cụ thể như sau:

### ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2025 - 2026

#### I. Đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa địa phương

Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai được thành lập từ việc sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Xuân An, Xuân Bình, Xuân Hòa, Phú Bình và xã Bàu Trâm thuộc thành phố Long Khánh trước đây theo Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Với diện tích tự nhiên là 21,32 km<sup>2</sup> và dân số là 77.070 người. Phường là địa bàn có vị trí quan trọng về an ninh - quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội với cơ sở hạ tầng tương đối khang trang, đồng bộ với hệ thống giao thông huyết mạch là đường Quốc lộ 1, đường sắt Bắc – Nam. Là địa bàn tiếp giáp với các khu công nghiệp trong vùng, là nơi hội tụ cư dân nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước đến sinh sống, lập nghiệp với những đặc trưng đa dạng về tôn giáo, dân tộc, tín ngưỡng.

Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội; ổn định về an ninh chính trị của phường Long

Khánh đã tạo nhiều cơ hội cho nhà trường phát triển hoạt động giáo dục về mọi mặt, nhưng cũng có nhiều thách thức đặt ra cần giải quyết.

## II. Đặc điểm tình hình nhà trường.

### 1. Đặc điểm học sinh nhà trường.

Năm học 2025 – 2026, cả trường có 792 học sinh, bao gồm:

#### a) Cấp Tiểu học: Có 405 học sinh.

- Chia theo lứa tuổi:

| Lứa tuổi         | 6 tuổi | 7 tuổi | 8 tuổi | 9 tuổi | 10 tuổi | 11 tuổi |
|------------------|--------|--------|--------|--------|---------|---------|
| Tổng số học sinh | 83     | 87     | 91     | 69     | 71      | 4       |

- Chia theo khối lớp: Gồm 5 khối lớp, tổng số 15 lớp, trong đó:

| Khối   | Số HS<br>theo khối | Tỉ lệ huy<br>động đúng<br>tuổi | Lớp | Số HS<br>theo<br>lớp | HS nữ | Số HS<br>dân tộc | HS nữ<br>dân tộc | HS<br>khuyết<br>tật |
|--------|--------------------|--------------------------------|-----|----------------------|-------|------------------|------------------|---------------------|
| Khối 1 | 90                 | 83/90<br>(92,2%)               | 1A1 | 30                   | 14    | 2                | 1                | 0                   |
|        |                    |                                | 1A2 | 30                   | 10    | 4                | 1                | 0                   |
|        |                    |                                | 1A3 | 30                   | 14    | 7                | 4                | 0                   |
| Khối 2 | 86                 | 82/86<br>(95,3%)               | 2A1 | 30                   | 17    | 0                | 0                | 0                   |
|        |                    |                                | 2A2 | 30                   | 15    | 0                | 0                | 0                   |
|        |                    |                                | 2B  | 26                   | 11    | 1                | 1                | 0                   |
| Khối 3 | 89                 | 86/89<br>(96,6%)               | 3A1 | 31                   | 15    | 1                | 0                | 0                   |
|        |                    |                                | 3A2 | 29                   | 10    | 3                | 2                | 0                   |
|        |                    |                                | 3B  | 29                   | 10    | 6                | 2                | 0                   |
| Khối 4 | 70                 | 66/70<br>(94,3%)               | 4A1 | 26                   | 11    | 1                | 1                | 0                   |
|        |                    |                                | 4A2 | 24                   | 14    | 4                | 2                | 0                   |
|        |                    |                                | 4B  | 20                   | 8     | 2                | 1                | 0                   |
| Khối 5 | 70                 | 66/70<br>(94,3%)               | 5A1 | 28                   | 14    | 0                | 0                | 0                   |
|        |                    |                                | 5A2 | 22                   | 12    | 1                | 1                | 0                   |
|        |                    |                                | 5B  | 20                   | 6     | 2                | 0                | 0                   |
| Tổng   |                    |                                |     | 405                  | 181   | 34               | 16               | 0                   |

- Tỉ lệ bình quân: 27 học sinh/lớp. (Khối 1: 30 HS/lớp; Khối 2: 28,7 HS/lớp; Khối 3: 29,7 HS/lớp; Khối 4: 23,3 HS/lớp, Khối 5: 23,3 HS/lớp)

- Tổng số học sinh khuyết tật: 0

- Tổng số học sinh hòa nhập: 0

- Tổng số học sinh kiểm tra lại năm học 2024-2025: 03

- Tổng số học sinh lưu ban sau kiểm tra lại năm học 2024-2025: 02

#### b) Cấp Trung học cơ sở: Có 288 học sinh

- Chia theo lứa tuổi:

| Lứa tuổi         | 11 tuổi | 12 tuổi | 13 tuổi | 14 tuổi | 15 tuổi |
|------------------|---------|---------|---------|---------|---------|
| Tổng số học sinh | 68      | 71      | 89      | 69      | 58      |

- Chia theo khối lớp: Gồm 4 khối lớp, **tổng số 12 lớp**, trong đó:

| Khối   | Số HS theo khối | Tỉ lệ huy động đúng tuổi | Lớp | Số HS theo lớp | HS nữ | Số HS dân tộc | HS nữ dân tộc | HS khuyết tật |
|--------|-----------------|--------------------------|-----|----------------|-------|---------------|---------------|---------------|
| Khối 6 | 71              | 68/71<br>(95,8%)         | 6A1 | 28             | 16    | 0             | 0             | 0             |
|        |                 |                          | 6A2 | 25             | 12    | 2             | 0             | 0             |
|        |                 |                          | 6B  | 18             | 5     | 2             | 1             | 0             |
| Khối 7 | 69              | 68/69<br>(98,6%)         | 7A1 | 27             | 11    | 1             | 0             | 0             |
|        |                 |                          | 7A2 | 22             | 11    | 3             | 1             | 0             |
|        |                 |                          | 7B  | 20             | 11    | 1             | 1             | 0             |
| Khối 8 | 90              | 88/90<br>(97,8%)         | 8A1 | 30             | 19    | 0             | 0             | 0             |
|        |                 |                          | 8A2 | 30             | 13    | 0             | 0             | 0             |
|        |                 |                          | 8B  | 30             | 13    | 1             | 1             | 0             |
| Khối 9 | 58              | 56/58<br>(96,6%)         | 9A  | 19             | 10    | 3             | 2             | 0             |
|        |                 |                          | 9A2 | 22             | 13    | 0             | 0             | 0             |
|        |                 |                          | 9B  | 17             | 10    | 2             | 2             | 0             |
| Tổng   |                 |                          |     | 288            | 144   | 15            | 8             | 0             |

- Tỉ lệ bình quân: 24 học sinh/lớp (Khối 6: 23,7 HS/lớp; Khối 7: 23 HS/lớp; Khối 8: 30 HS/lớp; Khối 9: 19,3 HS/lớp).

- Tổng số học sinh khuyết tật: 0
- Tổng số học sinh hòa nhập: 0
- Tổng số học sinh kiểm tra lại năm học 2024-2025: 02
- Tổng số học sinh lưu ban sau kiểm tra lại năm học 2024-2025: 0

**c) Cấp Trung học phổ thông: Có 99 học sinh**

- Chia theo lứa tuổi:

| Lứa tuổi         | 15 tuổi | 16 tuổi | 17 tuổi | 18 tuổi |
|------------------|---------|---------|---------|---------|
| Tổng số học sinh | 30      | 38      | 29      | 2       |

- Chia theo khối lớp: Gồm 3 khối lớp, **tổng số 06 lớp**, trong đó:

| Khối           | Số HS theo khối | Tỉ lệ huy động đúng tuổi | Lớp  | Số HS theo lớp | HS nữ | Số HS dân tộc | HS nữ dân tộc | HS khuyết tật |
|----------------|-----------------|--------------------------|------|----------------|-------|---------------|---------------|---------------|
| <b>Khối 10</b> | 31              | 30/31                    | 10TN | 13             | 7     | 0             | 0             | 0             |

|         |    |                  |       |    |    |   |   |   |
|---------|----|------------------|-------|----|----|---|---|---|
|         |    | (96,7%)          | 10XH  | 18 | 6  | 3 | 2 | 0 |
| Khối 11 | 39 | 37/39<br>(94,5%) | 11XH  | 16 | 9  | 3 | 2 | 0 |
|         |    |                  | 11TN  | 23 | 11 | 1 | 1 | 0 |
| Khối 12 | 29 | 28/29<br>(96,6%) | 12 TN | 18 | 7  | 1 | 1 | 0 |
|         |    |                  | 12XH  | 11 | 5  | 1 | 1 | 0 |
| Tổng    |    |                  |       | 99 | 45 | 9 | 7 | 0 |

- Tỷ lệ bình quân: 16,5 học sinh/lớp (Khối 10: 15,5HS/lớp; Khối 11: 19,5HS/lớp; Khối 12: 14,5 HS/ lớp).

- Tổng số học sinh khuyết tật: 0

- Tổng số học sinh hòa nhập: 0

- Tổng số học sinh kiểm tra lại năm học 2024-2025: 01

- Tổng số học sinh lưu ban sau kiểm tra lại năm học 2024-2025: 0

## 2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường

- Tổng số người làm việc: 55 người. Trong đó :

+ Vị trí lãnh đạo, quản lý: 03 người. Chia ra, Hiệu trưởng: 01 người; Phó hiệu trưởng 02 người.

+ Vị trí HĐ nghề nghiệp (Giáo viên): 41 người.

Chia ra:

**a) Cấp Tiểu học:** 18 người, gồm:

| Tổng số | GVCN | Giáo viên bộ môn |         |         |          |         |
|---------|------|------------------|---------|---------|----------|---------|
|         |      | Tiếng Anh        | Tin học | Âm nhạc | Mỹ thuật | Thể dục |
| 18      | 15   | 2                | 1       | 0       | 0        | 1       |

**b) Cấp THCS, THPT:** 23 người. Trong đó, giáo viên thuộc các môn học:

| <b>Tổ chuyên môn</b> | <b>Bộ môn</b>    | <b>Tổng số nhân sự</b> |
|----------------------|------------------|------------------------|
| <b>Tổ Xã hội</b>     | Ngữ văn          | 4                      |
|                      | Lịch sử          | 0                      |
|                      | Địa lý           | 1                      |
|                      | Lịch sử - Địa lý | 0                      |
|                      | GDCD/GDKT-PL     | 0                      |
| <b>Tổ Tự nhiên</b>   | Toán             | 5                      |
|                      | Vật lý           | 2                      |
|                      | Hóa học          | 2                      |
|                      | Sinh học         | 1                      |
|                      | KHTN             | 0                      |
|                      | Công nghệ        | 1                      |

|               |                         |   |
|---------------|-------------------------|---|
| Tổ Năng khiếu | Âm nhạc                 | 1 |
|               | Mỹ thuật                | 0 |
|               | Tin học                 | 1 |
|               | GDTC                    | 2 |
|               | GD An ninh – Quốc Phòng | 0 |
| Tổ Ngoại ngữ  | Tiếng Anh               | 3 |

- Cấp Tiểu học đang thiếu GV ở bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, nhà trường sắp xếp GV Âm nhạc cấp THCS xuống để giảng dạy, thỉnh giảng GV Mỹ thuật ở trường bạn.

- Cấp THCS, THPT hiện đang thiếu GV ở các môn: Lịch sử, GDCD, Mỹ Thuật, Thể dục, GDQPAN nhà trường thực hiện thỉnh giảng từ các trường bạn.

+ Vị trí hỗ trợ, phục vụ: 04 người. Chia ra, Kế toán: 01 người; Văn thư: 01 người; Thư viện: 01 người; Thiết bị: 0 người; Y tế: 01 người; HTHSKT: 0 người.

+ Hợp đồng lao động 161: 06 người. Chia ra, Bảo vệ: 01 người; phục vụ: 02 người, cấp dưỡng: 03 người

- Trình độ đào tạo, mức đánh giá Chuẩn HT, GV :

+ Vị trí lãnh đạo, quản lý:

\* Trình độ đào tạo: Đại học: 2/2

\* Chuẩn HT: Khá: 2/2

+ Vị trí HĐ nghề nghiệp (Giáo viên):

\* Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 02; Đại học: 39

\* Chuẩn GV: Khá: 41/41 (03 GV mới tuyển dụng đầu năm học)

### 3. Về cơ sở vật chất.

#### a) Khối phòng hành chính quản trị

| STT | Tên phòng             | Số lượng | Đạt tiêu chuẩn | Chưa đạt tiêu chuẩn | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------|----------------|---------------------|---------|
| 1   | Hiệu trưởng           | 1        | x              |                     |         |
| 2   | Phó hiệu trưởng       | 2        | x              |                     |         |
| 3   | Văn phòng             | 1        | x              |                     |         |
| 4   | Bảo vệ                | 1        | x              |                     |         |
| 5   | Khu vệ sinh viên chức | 1        | x              |                     |         |
| 6   | Khu để xe viên chức   | 1        | x              |                     |         |

#### b) Khối phòng học tập

- Tổng số phòng học: 34 phòng, Tỉ lệ: 1,03 phòng/1 lớp. Trong đó: kiên cố 34 phòng; cấp 4 là 0 phòng.

- Tổng số phòng học bộ môn:

| STT | Tên phòng          | Số lượng | Đạt tiêu chuẩn | Chưa đạt tiêu chuẩn | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|----------------|---------------------|---------|
| 1   | Âm nhạc            | 1        | x              |                     |         |
| 2   | Vật lý - Công nghệ | 1        | x              |                     |         |

|   |            |   |   |  |  |
|---|------------|---|---|--|--|
| 3 | Hóa - Sinh | 1 | x |  |  |
| 4 | Tin học    | 2 | x |  |  |
| 5 | Ngoại ngữ  | 1 | x |  |  |

**c) Khối phòng hỗ trợ học tập**

| STT | Tên phòng         | Số lượng | Đạt tiêu chuẩn | Chưa đạt tiêu chuẩn | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------|----------------|---------------------|---------|
| 1   | Thư viện          | 1        |                | x                   |         |
| 2   | Thiết bị giáo dục | 0        |                |                     |         |
| 3   | Tư vấn học đường  | 1        | x              |                     |         |
| 4   | Truyền thống      | 0        |                |                     |         |
| 5   | Đoàn, Đội         | 0        |                |                     |         |

**d) Khối phụ trợ**

| STT | Tên phòng            | Số lượng | Đạt tiêu chuẩn | Chưa đạt tiêu chuẩn | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------|----------------|---------------------|---------|
| 1   | Phòng họp            | 1        |                | x                   |         |
| 2   | Hội trường           | 1        | x              |                     |         |
| 3   | Phòng tổ chuyên môn  | 1        |                | x                   |         |
| 4   | Phòng y tế           | 1        |                | x                   |         |
| 5   | Nhà kho              | 1        |                | x                   |         |
| 6   | Khu vệ sinh học sinh | 12       | x              |                     |         |
| 7   | Khu để xe học sinh   | 1        |                | x                   |         |

**đ) Khu sân chơi, thể dục thể thao**

- Sân chung: 475m<sup>2</sup>
- Sân thể dục thể thao: 200 m<sup>2</sup>
- Hồ bơi: Diện tích bề mặt: 150 m<sup>2</sup>, chiều sâu từ 0,5m đến 1,8m.

**e) Hạ tầng kỹ thuật**

- Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước sạch theo quy định hiện hành.
- Hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường.
- Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của nhà trường.
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành.
- Hệ thống thang thoát hiểm đầy đủ, bảo đảm theo quy định hiện hành.
- Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet đảm bảo phục vụ các hoạt động của nhà trường.

**f) Thiết bị dạy học:**

- Nhà trường trang bị khá đầy đủ các trang thiết bị dạy học tối thiểu theo Thông tư 26/2023/TT-BGDĐT ngày 25/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số quy định tại danh mục thiết bị dạy học tối thiểu ban hành kèm theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học, Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu

cấp Trung học cơ sở, Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông.

Hiện tại đồ dùng dạy học được sử dụng và bảo quản tương đối ổn định. Số lượng từ 01 đến 04 bộ/môn học.

## **MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026**

### **A. MỤC TIÊU CHUNG**

1. Năm học 2025-2026 tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (GDPT 2018), bảo đảm hoàn thành chương trình năm học, nâng cao chất lượng giáo dục ở cả 03 bậc học: Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

2. Chú trọng thực hiện công tác quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu thực hiện; CT GDPT 2018; chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên, bảo đảm đủ giáo viên theo môn học để tổ chức dạy học các môn học, thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông.

3. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tạo cơ hội, điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), hỗ trợ học sinh khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

4. Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị giáo dục; tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền, phù hợp với thực tiễn.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện xây dựng trường học Xanh-Sạch-Đẹp; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ dạy học; triển khai có hiệu quả Đề án “Tăng cường giảng dạy tiếng Anh trong các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2022-2023” từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai vào trong trường học.

### **B. MỤC TIÊU CỤ THỂ**

#### **I. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông**

##### **1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục**

Căn cứ điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, tình hình kinh tế xã hội của địa phương, và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp, đáp ứng yêu cầu đổi mới, thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Các tổ/nhóm chuyên môn thảo luận xây dựng kế hoạch môn học và kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp với thực tế của trường, theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT: Thực hiện linh hoạt theo hướng dẫn tại Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023 (điều chỉnh theo Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022).

Một số công tác trọng tâm:

- Tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề trong nhà trường, tham gia sinh hoạt chuyên môn liên trường nhằm trao đổi về tổ chức thực hiện chương trình; đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp thời kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế tại đơn vị; tăng cường phối hợp, huy động, trao đổi với giáo viên của các trường bạn để sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên, học hỏi kinh nghiệm, tự nâng cấp về chuyên môn nghiệp vụ; chú trọng công tác, vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong việc góp phần quản lý, giáo dục học sinh nhằm góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục của đơn vị.

- Tổ chức các buổi đào tạo, sinh hoạt chuyên đề về công tác chủ nhiệm lớp để quán triệt nhiệm vụ và quyền của giáo viên nói chung, giáo viên chủ nhiệm lớp nói riêng theo quy định tại Điều 27, 29 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020; Điều 8 Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT

ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT cho toàn thể giáo viên hiểu đúng, đầy đủ quyền và nhiệm vụ phải thực hiện nhằm nâng cao năng lực xây dựng kế hoạch.

### **1.1. Đối với cấp Tiểu học.**

Tập trung thực hiện hiệu quả một số nội dung sau:

- Tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục nhằm phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực, thể chất, thẩm mỹ và kỹ năng sống cho học sinh.
- Bố trí thời gian thực hiện chương trình một cách khoa học, sư phạm, hiệu quả, không gây áp lực đối với học sinh; bảo đảm đến cuối năm học, học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình.
- Thực hiện dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết học 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học tối thiểu 9 buổi/tuần (tương đương với 32 tiết/tuần).
- Tổ chức dạy học các môn Ngoại Ngữ 1 (Tiếng Anh): Đối với lớp 3, lớp 4 và lớp 5 thực hiện các giải pháp tổ chức dạy học môn Ngoại ngữ 1 bắt buộc. Đối với lớp 1 và lớp 2: tiếp tục triển khai Chương trình môn tiếng Anh tự chọn bảo đảm các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.
- Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho tất cả học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo quy định; triển khai các giải pháp giáo dục Tin học cho học sinh lớp 1, lớp 2; giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh tiểu học để thực hiện “hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số” làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3, lớp 4, lớp 5.

### **1.2. Đối với cấp Trung học cơ sở (THCS), Trung học phổ thông (THPT).**

- Đối với cấp THCS các môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GDĐT và Công văn số 4460/SGDĐT-NV1 ngày 25/10/2023 của Sở GDĐT về việc triển khai hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp bảo đảm chất lượng, đạt mục tiêu chương trình, phù hợp với tình hình thực tiễn, năng lực đội ngũ và điều kiện dạy học của nhà trường.
- Đối với cấp THPT, nhà trường tổ chức hiệu quả việc tư vấn, hướng dẫn cho học sinh đăng ký lựa chọn các môn học lựa chọn và chuyên đề học tập lựa chọn, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy trình, cân bằng giữa các môn học để khai thác tối đa đội ngũ giáo viên của nhà trường. Nhà trường xếp lớp riêng theo từng môn học lựa chọn và chuyên đề học tập lựa chọn, linh hoạt trong bố trí sĩ số học sinh trên lớp để đáp ứng tối đa nhu cầu và nguyện vọng của học sinh; bảo đảm việc phân công giáo viên, xây dựng thời khóa biểu giữa các lớp học có tính khoa học, hợp lý, không gây áp lực đối với học sinh và giáo viên.

#### **a) Đối với việc tổ chức dạy học ngoại ngữ**

+ Nâng cao hiệu quả về đổi mới kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế qua việc kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ. Tiếp tục thực hiện định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Anh dành cho học sinh phổ thông theo các hướng dẫn tại Công văn số 5333/BGDĐT-GDTrH ngày 29/9/2014 của Bộ GDĐT về triển khai kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực môn tiếng Anh cấp trung học từ năm học 2014-2015 và Công văn số 3970/SGDĐT-GDPT&GDTX ngày 16/9/2024 của Sở GDĐT về triển khai kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực môn tiếng Anh cấp trung học từ năm học 2024-2025; sử dụng định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Anh dành cho học sinh phổ thông từ năm học 2015-2016 được hướng dẫn tại Công văn số 3333/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2016 của Bộ GDĐT và Công văn số 1965/SGDĐT-GDTrH ngày 28/7/2016 của Sở GDĐT.

#### **Chỉ tiêu:**

- 100% HS của trường từ lớp 1 – lớp 12 được học tiếng Anh theo Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025.
- 100% giáo viên dạy tiếng Anh của trường được tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ và năng lực sư phạm theo kế hoạch của Sở GDĐT.
- Trong năm tổ chức được ít nhất 1-2 cuộc thi/câu lạc bộ Tiếng Anh ở mỗi cấp học và khuyến

khích học sinh tham gia.

- Thành lập Câu lạc bộ Tiếng Anh và có kế hoạch vận hành phù hợp.
- Thành lập các đội tuyển của Tiểu học, THPT để tham gia các cuộc thi Hùng biện Tiếng Anh, Tài năng Tiếng Anh, HSG tiếng Anh ...do Sở GDĐT tổ chức.
- Có HS đạt giải cấp Tỉnh, cấp Quốc gia trong cuộc thi IOE.

#### ***Giải pháp:***

- Tổ Tiếng Anh căn cứ trên các văn bản quy định của Bộ GDĐT, các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT, các hội nghị đã được tập huấn xây dựng chương trình dạy học cụ thể, rõ ràng, trao đổi kỹ với phụ huynh để đạt được sự đồng thuận trong tổ chức dạy và học.
- Nâng cao chất lượng các hoạt động kiểm tra đánh giá thường xuyên việc dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận với chuẩn quốc tế.
- Khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên dạy các môn học khác của trường được học tập, nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức các Câu lạc bộ Tiếng Anh, cuộc thi IOE...ngay từ đầu năm. Triển khai thể lệ các vòng thi đến học sinh để các em có tâm lý chuẩn bị và đặt mục tiêu tham gia. Qua các cuộc thi đó, chọn lọc các đội tuyển để tham gia các cuộc thi Tiếng Anh do Sở GDĐT tổ chức.
- Thành lập các nhóm “phụ tá tiếng Anh” để có thể rèn khả năng tự học và tự giúp bạn nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ trong môi trường lớp học, trường học của học sinh.
- Tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về Đề án dạy học ngoại ngữ tại địa phương do Sở GDĐT tổ chức.

#### **b) Đối với bồi dưỡng học sinh giỏi và kèm học sinh chưa đạt**

- Thành lập đội tuyển học sinh giỏi THPT dự thi học sinh giỏi cấp Tỉnh các môn: Toán, Vật lý, Sinh học và Tiếng Anh. Đối tượng là học sinh lớp 11, 12 năm học 2025-2026. Bắt đầu thực hiện từ giữa tháng 8/2025, dự kiến thi vào giữa tháng 01/2026.
- Tiếp tục xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện công tác phụ đạo học sinh có kết quả học tập Chưa đạt để hỗ trợ giúp học sinh được ôn tập củng cố những kiến thức cơ bản để có cơ sở tiếp thu bài mới được tốt hơn, nâng cao kết quả học tập của học sinh. Tổ chức dạy kèm cho học sinh có kết quả chưa đạt sau các lần kiểm tra định kỳ ở các khối lớp. Căn cứ vào số lượng học sinh, nhà trường sẽ bố trí các lớp, đảm bảo thời lượng ....tiết/tuần/lớp/môn.

#### **1.3. Giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.**

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; công tác tư vấn tâm lý cho học sinh; công tác xã hội trong trường học. Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc tích hợp các nội dung giáo dục lồng ghép phù hợp khác theo quy định như: nội dung pháp luật về phòng, chống tham nhũng và đạo đức liêm chính, phòng chống tệ nạn xã hội; giáo dục quyền con người; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù, loà cho học sinh; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; hướng dẫn học sinh học tập kiến thức pháp luật về an toàn giao thông đường bộ trên nền tảng Bình dân học vụ số; giáo dục tăng cường năng lực số, kỹ năng chuyển đổi số; giáo dục phòng tránh tác hại của thuốc lá; tiếp tục thực hiện việc tích hợp, lồng ghép các nội dung giáo dục về giới và bình đẳng giới về mục tiêu Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN vào các nội dung kiến thức liên quan theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

#### **1.4. Giáo dục thể chất, tăng cường hoạt động thể thao.**

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thể thao học sinh gắn kết với nội dung môn học giáo dục thể chất thuộc Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Nhà trường tiếp tục duy trì nền nếp thực hiện các bài thể dục, tập luyện và tổ chức thi đấu các môn thể thao nhằm phát triển thể lực toàn diện cho

học sinh. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 25/3/2025 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 1717/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình tăng cường giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng, chống đuối nước cho học sinh giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh. Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tổ chức dạy bơi an toàn, phòng, chống đuối nước cho học sinh lớp 1 đến lớp 12 từ năm học 2025- 2026 theo văn bản chấp thuận số .....của Sở GDĐT.

### **1.5. Công tác định hướng thi tốt nghiệp THPT cho khối 12**

Khảo sát nguyện vọng đăng ký môn thi Tốt nghiệp THPT của học sinh để xem xét có phương án sắp xếp lớp cho học sinh lớp 12 phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, xây dựng kế hoạch, phương án, định hướng chuẩn bị cho học sinh lớp 12 thi tốt nghiệp THPT; xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục tại đơn vị đảm bảo phù hợp ngay từ đầu năm học, tiếp tục tăng cường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với lớp 12.

### **1.6. Đối với môn Giáo dục quốc phòng và An ninh (GDQP&AN)**

a) Cấp Tiểu học và THCS: Tiếp tục thực hiện Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ GDĐT về hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học. Triển khai và thực hiện giáo dục tích hợp lồng ghép trong các môn học và hoạt động giáo dục phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh; tập trung vào các môn học: Tiếng Việt, Đạo đức, Tự nhiên và xã hội, Lịch sử và Địa lí; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật) và Hoạt động trải nghiệm (cấp Tiểu học); Ngữ văn; Giáo dục công dân; Lịch sử và Địa lí; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật); Nội dung giáo dục địa phương; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (Cấp THCS).

#### **b) Cấp THPT**

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Bộ GDĐT, các bộ ngành liên quan, của Tỉnh ủy, UBND và Hội đồng GDQP&AN tỉnh Đồng Nai về thực hiện nhiệm vụ GDQP&AN.

Tiếp tục triển khai thực hiện nội dung chương trình theo Thông tư số 46/2020/TT-BGDĐT ngày 24/11/2020 của Bộ GDĐT về Ban hành Chương trình môn học GDQP&AN cấp trung học phổ thông. Tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm về Phòng thủ dân sự tình huống khẩn cấp về quốc phòng và an ninh, thiên tai, biến đổi khí hậu và dịch bệnh trên địa bàn tỉnh phù hợp với đặc điểm, tình hình của từng đơn vị.

Căn cứ vào tình hình cụ thể, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục tổ chuyên môn, bảo đảm đúng, đủ nội dung, thời gian theo quy định. Đối với các bài học thực hành phải được thực hiện sau khi đã dạy xong phần lý thuyết của bài đó, dạy tập trung dứt điểm theo bài nhưng không quá 3 tiết/buổi và phải thực hiện nghiêm các quy định về bảo đảm an toàn khi sử dụng vũ khí trang bị.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, đồ dùng dạy học, thường xuyên lau chùi, bảo quản tốt vũ khí, trang bị, không để han rỉ, hư hỏng, mất mát, thực hiện “giữ tốt, dùng bền, an toàn, tiết kiệm”. Chủ động đầu tư, mua sắm cơ sở vật chất, đồ dùng dạy học bảo đảm đủ về số lượng và chủng loại theo Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT ngày 22/12/2022 của Bộ GDĐT.

Thỉnh giảng giáo viên GDQP&AN đúng chuyên môn đào tạo GDQP&AN, có phẩm chất, đạo đức tốt, đủ khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ GDQP&AN trong nhà trường. Giáo viên GDQP&AN khi lên lớp phải bảo đảm lễ tiết, tác phong, mang mặc trang phục đúng quy định.

Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Hội đồng GDQP&AN phường Long Khánh và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, đảng viên, nhân viên nhà trường tham gia đầy đủ các lớp cập nhật, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo quy định.

### **1.7. Công tác thư viện trường học, phát triển văn hoá đọc**

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 10230/KH-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh về tiếp tục thực hiện Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; hướng dẫn triển khai tại Kế hoạch số 3519/KH-SGDĐT ngày

30/8/2021 của Sở GD&ĐT Đồng Nai về việc tiếp tục thực hiện Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030 đối với ngành GD&ĐT.

Thực hiện chuyển đổi số thư viện theo kế hoạch số 14677/KH-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh và kế hoạch số 898/KH-SGD&ĐT ngày 14/3/2022 của Sở GD&ĐT Đồng Nai về việc triển khai kế hoạch số 14677/KH-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh về kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Triển khai hiệu quả, thiết thực các hoạt động thư viện, hoạt động khuyến đọc; nâng cao văn hóa đọc trong nhà trường và địa phương; sắp xếp bố trí nhân viên thư viện đúng chuyên môn làm công tác thiết lập và vận hành thư viện; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên và nhân viên thư viện về công tác tổ chức hoạt động tiết đọc, tiết học thư viện; dành thời lượng phù hợp cho tiết đọc thư viện; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, học liệu và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức hoạt động thư viện; huy động sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

### **1.8. Nâng cao chất lượng giáo dục STEM/STEAM**

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện giáo dục STEM, STEAM trong nhà trường bảo đảm chất lượng, hiệu quả theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT tại công văn số 3089/BGD&ĐT-GDTrH ngày 14/8/2020; Công văn số 2677/GD&ĐT-NV1 ngày 24/8/2020 của Sở GD&ĐT Đồng Nai về việc triển khai giáo dục STEM trong giáo dục trung học. Quan tâm bố trí nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất để bảo đảm thực hiện hiệu quả giáo dục STEM phù hợp với điều kiện của đơn vị theo quy định.

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học/hoạt động giáo dục triển khai thực hiện giáo dục STEM bảo đảm chất lượng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, địa phương; tổ chức hội nghị chuyên đề, đánh giá, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm.

Tổ chức Ngày hội STEM/STEAM của trường để lựa chọn sản phẩm tham gia Cuộc thi khoa học kỹ thuật (KHKT) và cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên.

#### **\* Đối với cấp Tiểu học:**

Tạo điều kiện để tất cả cán bộ, giáo viên tiểu học của trường được tham gia tập huấn về giáo dục STEM; tham gia sinh hoạt cụm và tổ chức các tiết chuyên đề về giáo dục STEM để trao đổi chia sẻ kinh nghiệm. Kết thúc năm học, tổ chức hội nghị chuyên đề, đánh giá, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm.

Nhà trường định hướng cho giáo viên thực hiện đại trà các bài học STEM có trong chương trình nhằm giúp mở rộng, nâng cao hiệu quả của giáo dục thực hành và hợp tác theo nhiều cách khác nhau, thúc đẩy tính sáng tạo, trí tò mò và sự thấu cảm của học sinh. Bố trí một nguồn kinh phí để cho giáo viên trang bị đồ dùng dạy học. Hướng dẫn giáo viên sử dụng hiệu quả nguồn học liệu tại địa chỉ website <https://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định.

#### **\* Chỉ tiêu**

- Thực hiện ít nhất 1 chủ đề dạy học theo hướng giáo dục STEM ở tổ KHTN.
- Thực hiện ít nhất 03 dự án tham dự cuộc thi Khoa học kỹ thuật học sinh trung học.
- Tổ chức được ít nhất 02 lần/ năm học các cuộc thi có ứng dụng STEM cho HS cả 2 cấp Tiểu học và Trung học tham gia (1 lần có thể tổ chức trong hè)

#### **\* Giải pháp**

Đẩy mạnh triển khai giáo dục STEM theo các hướng dẫn của Bộ, Sở GD&ĐT. Việc triển khai giáo dục STEM phải bảo đảm chất lượng, hiệu quả, theo hướng nhà trường gắn với đời sống, lao động, sản xuất kinh doanh, giáo dục toàn diện, không hình thức và không gây quá tải đối với giáo viên và học sinh.

Tổ chức cuộc thi Young Inventer để tạo sân chơi và tạo nguồn học sinh để tham gia có hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh trung học và Cuộc thi khoa học kỹ thuật năm học 2025-2026.

Mỗi tổ chuyên môn nghiên cứu, định hướng đề tài, ý tưởng để hướng dẫn học sinh tham gia cuộc thi Khoa học kỹ thuật học sinh trung học. Phân công giáo viên có năng lực và kinh nghiệm hướng dẫn học sinh thực hiện dự án dự thi.

### **1.9. Tham gia các Cuộc thi, kỳ thi**

#### **a) Đối với cấp Tiểu học**

Nhà trường tiếp tục duy trì các hoạt động vui chơi học tập như: Giao lưu hùng biện tiếng Anh; Giao lưu tiếng Việt dành cho học sinh dân tộc thiểu số; Trò chơi dân gian; Ngày hội đọc sách; Giao lưu tìm hiểu An toàn giao thông; Viết chữ đẹp; Tin học; Ngày hội STEM; Giao lưu văn nghệ; thể dục thể thao; .... góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

#### **b) Đối với cấp THCS và THPT**

Xây dựng kế hoạch cho học sinh nghiên cứu khoa học và tổ chức Cuộc thi Khoa học kỹ thuật, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp trường, tham gia cấp phường và tỉnh (nếu có); tổ chức lựa chọn, thành lập, bồi dưỡng đội tuyển lớp 12 các môn học: Toán, Vật lý, Sinh học, Tiếng Anh để tham dự Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

### **1.10. Công tác chuyển trường**

Đối với cấp THPT, thực hiện tiếp nhận chuyển trường khác tổ hợp môn khi kết thúc năm học, việc chuyển đổi, tổ chức ôn tập, kiểm tra đánh giá, ghi điểm, .... thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 2822/BGDĐT-GDTrH ngày 08/6/2023 của Bộ GDĐT về việc thực hiện chuyển đổi trường đối với học sinh phổ thông.

## **II. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục**

### **1. Phát triển mạng lưới trường, lớp**

Tập trung phát triển mạng lưới trường, lớp gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục. Kế thừa các yếu tố ổn định, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, đảm bảo thuận lợi cho việc học của học sinh, gắn với các điều kiện nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định, bố trí riêng biệt các khối phòng học, khối phụ trợ, sân chơi, bãi tập, thiết bị vận động và hệ thống phòng học bộ môn phù hợp đặc thù từng cấp học.

Thực hiện hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ GDĐT. Áp dụng những mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại, đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế để đáp ứng nhu cầu học tập của người học.

Thực hiện hiệu quả trường học đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp Tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp nhằm xây dựng trường học đạt chuẩn Xanh- Sạch-Đẹp theo Quyết định số 42/QĐ-SGDĐT ngày 17/01/2023 của Giám đốc Sở GDĐT, có kế hoạch tổ chức cho học sinh thực hiện lao động vệ sinh trường, lớp và các công trình trong khuôn viên nhà trường; đảm bảo đủ nhà vệ sinh sạch sẽ cho học sinh và giáo viên, phấn đấu đạt tiêu chuẩn nhà vệ sinh xanh, sạch, đẹp, thân thiện, an toàn.

### **2. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu**

Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định, học liệu để triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo quy định; đầu tư và tận dụng tối đa cơ sở vật chất của nhà trường để tổ chức dạy học 02 buổi/ngày, bảo đảm chủ động, linh hoạt thực hiện chương trình.

Bảo đảm phòng học và phòng chức năng phù hợp với các thiết bị dạy học theo chương trình giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, sử dụng hiệu quả thiết bị, đồ dùng hiện có để đảm bảo chất lượng việc dạy học và kiểm tra, đánh giá.

Tiếp tục phát triển kho video bài dạy minh họa, kho học liệu điện tử, thiết bị dạy học điện tử; xây dựng tài liệu dạy học điện tử để hỗ trợ giáo viên tổ chức dạy học, đẩy mạnh việc sử dụng học liệu số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

### **3. Bảo đảm sách giáo khoa (SGK) và tài liệu giáo dục địa phương (GDĐP)**

a) Nhà trường tiếp tục thực hiện, phát huy cao nhất vai trò tự chủ về chuyên môn của giáo viên trong việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa theo quy định tại Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định việc lựa chọn SGK trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Nhà trường tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1641/SGDDT-GDPT&GDTX ngày 09/4/2025 của Sở GDĐT về việc lựa chọn, hướng dẫn sử dụng SGK trong các cơ sở Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên.

Nhà trường chủ động thông báo công khai danh mục sách giáo khoa từ lớp 1 - lớp 12 sử dụng trong nhà trường từ năm học 2025-2026. Hướng dẫn học sinh, phụ huynh học sinh tự liên hệ mua SGK tại các địa chỉ uy tín, tin cậy trên địa bàn. Bảo đảm học sinh có SGK ngay từ đầu năm học.

Hiệu trưởng hướng dẫn giáo viên chủ động rà soát, điều chỉnh ngữ liệu trong bài học, chủ đề, ngữ liệu thực hành trong SGK nhằm phù hợp với thực tiễn địa phương, đặc biệt trong bối cảnh sắp xếp địa giới hành chính và mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Tiếp tục thực hiện các hướng dẫn tại Công văn số 3316/SGDDT-NV1 ngày 29/9/2022 của Sở GDĐT về việc trang bị sách giáo khoa cho thư viện nhà trường, tổ chức cho học sinh mượn sách giáo khoa để học tập trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.

b) Hiệu trưởng phân công giáo viên giảng dạy nội dung GDĐP phù hợp với chuyên môn; căn cứ vào hướng dẫn tại Công văn 1398/SGDDT-GDPT&GDTX ngày 04/09/2025 về việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương năm học 2025-2026, các tổ, nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học nội dung GDĐP theo từng chủ đề phù hợp với tình hình mới sau sáp nhập, điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường và kế hoạch dạy học các môn học có liên quan, tạo thuận lợi cho học sinh liên hệ, vận dụng những nội dung kiến thức đã học trong các môn học với thực tiễn nhà trường; tiếp tục triển khai các chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn về tổ chức dạy học nội dung GDĐP.

Giáo viên dạy học chủ đề nào thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với chủ đề đó theo kế hoạch. Bài kiểm tra, đánh giá định kỳ được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm nội dung các chủ đề đã dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

Về tài liệu giảng dạy, giáo viên căn cứ vào Chương trình nội dung giáo dục địa phương tỉnh Đồng Nai đã được rà soát, cập nhật và hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương năm học 2025-2026 của Sở GDĐT để thực hiện.

### **4. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục**

#### **a) Đảm bảo đội ngũ giáo viên triển khai Chương trình GDPT**

- Rà soát cơ cấu đội ngũ giáo viên theo môn học, hoạt động giáo dục; xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng/thỉnh giảng giáo viên bảo đảm đủ giáo viên để tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học theo chương trình GDPT.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung giáo viên theo chuẩn đào tạo quy định tại Luật Giáo dục 2019 và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Tăng cường phối hợp và phát huy hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tại địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển năng lực, phẩm chất học sinh theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông.

b) Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và tăng cường hoạt động sinh hoạt chuyên môn

Chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên, bảo đảm dạy học các môn học trong Chương trình GDPT 2018. Tổ chức sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo quy định nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp, khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng bằng nhiều hình thức phù hợp; tiếp tục thực hiện đánh giá, bồi dưỡng thường xuyên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.

Xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ triển khai lại các nội dung bồi dưỡng, tập huấn cho CBQL, GV tại đơn vị, lưu trữ đầy đủ hồ sơ của các nội dung triển khai lại gồm kế hoạch, biên bản triển khai của từng môn.

Thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và xây dựng báo cáo TEMIS hàng năm đảm bảo chất lượng hiệu quả.

Tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên môn NCBH theo cụm trường nhằm tạo mạng lưới bồi dưỡng giáo viên năng động, hiệu quả, sát với nhu cầu thực tiễn. Lựa chọn nội dung sinh hoạt cụm chuyên môn thiết thực, đáp ứng nhu cầu giáo viên, góp phần nâng cao năng lực giáo viên, tránh hình thức.

Chủ động, sáng tạo trong việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên dạy môn ngoại ngữ, nhằm tiến tới đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường.

### **III. Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, phân luồng và phát triển năng lực số**

#### **1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học**

Tiếp tục phát triển học liệu số hỗ trợ giáo viên đổi mới phương pháp dạy và học, tăng cường năng lực tự học, trải nghiệm sáng tạo cho học sinh, hướng học sinh phát huy năng lực tư duy giải quyết vấn đề.

Phát huy vai trò của giáo viên trong việc tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ học sinh chủ động, tích cực, tự giác và phát triển năng lực tự học trong suốt quá trình học tập. Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, bảo đảm tính hấp dẫn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường, góp phần tạo hứng thú học tập và phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất học sinh.

Tăng cường bồi dưỡng, phát triển năng lực cho giáo viên trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để áp dụng hiệu quả đổi mới phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động dạy học.

Phân công tổ, nhóm chuyên môn xây dựng kho học liệu số cho các môn học của Chương trình GDPT 2018 đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

#### **2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá**

##### **\* Đối với cấp THCS và THPT**

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về đánh giá học sinh trong chương trình giáo dục phổ thông theo quy định tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, trong đó chú trọng đổi mới phương pháp và đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Đảm bảo đánh giá vì sự tiến bộ của người học, gắn với yêu cầu cần đạt của chương trình và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, trình độ nhận thức của học sinh. Khuyến khích giáo viên tích hợp linh hoạt các hình thức đánh giá như vấn đáp, viết, thực hành, quan sát, sản phẩm học tập, bài kiểm tra trên giấy hoặc trực tuyến, nhằm phản ánh toàn diện quá trình học tập và kết quả rèn luyện của học sinh.

Đối với môn Ngữ văn, tiếp tục thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của Bộ GDĐT, tránh sử dụng những văn bản, đoạn trích đã được học trong sách giáo khoa để làm ngữ liệu kiểm tra đánh giá năng lực đọc hiểu và viết trong các đề kiểm tra định kỳ nhằm khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn.

Xây dựng kế hoạch xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phù hợp với thực tiễn của đơn vị. Đối với các môn học, hoạt động giáo dục đánh giá bằng nhận xét, khuyến khích thực

hiện việc kiểm tra, đánh giá định kỳ thông qua bài thực hành, dự án học tập phù hợp với đặc thù môn học, hoạt động giáo dục.

Tăng cường xây dựng ngân hàng câu hỏi, ma trận đề kiểm tra theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học; cho học sinh lớp 12 làm quen với định hướng đề thi tốt nghiệp trung học phổ thông được công bố tại Quyết định số 764/QĐ-BGDĐT ngày 08/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về cấu trúc định dạng đề thi kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025.

Tăng cường đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập thông qua hệ thống câu hỏi, bài tập, hoạt động nhóm, dự án học tập, thuyết trình, hồ sơ học tập,...; tổ chức đánh giá định kỳ với các hình thức phù hợp như bài thực hành, bài kiểm tra tổng hợp, sản phẩm sáng tạo, dự án tích hợp. Các hoạt động đánh giá cần được thiết kế có mục tiêu rõ ràng, tiêu chí cụ thể, hướng dẫn chấm điểm minh bạch, thông báo trước về yêu cầu và hình thức thực hiện để học sinh chủ động tham gia. Đồng thời, chú trọng đánh giá các nội dung giáo dục tích hợp về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, đạo đức liên chính, an toàn giao thông, quyền con người, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh,... nhằm hình thành, phát triển năng lực công dân, góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh.

#### **\* Đối với cấp Tiểu học**

Thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

Các tổ khối chuyên môn cần thường xuyên tổ chức trao đổi, hướng dẫn các giáo viên về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên; biên soạn đề kiểm tra định kỳ cho các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ đối với môn Tiếng Anh, môn Tin học và Công nghệ theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022.

#### **Chỉ tiêu:**

100% CB-GV tổ chức cho HS kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ theo kế hoạch dạy học bộ môn đã xây dựng, đảm bảo đủ số lần kiểm tra theo quy định

100% CB-GV thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra ở tất cả các khâu: ra đề, coi, chấm bài và nhận xét đánh giá bài làm của học sinh.

#### **Giải pháp**

Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá, thực hiện việc đánh giá học sinh các khối lớp theo quy định. Việc xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá những nội dung vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông; không kiểm tra, đánh giá đối với các nội dung phải thực hiện tinh giản và các nội dung hướng dẫn học sinh tự học ở nhà theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

### **3. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng**

a) Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường đối với bậc trung học, trong đó tập trung đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp; phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp; Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện giáo dục STEM trong trường, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

b) Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về công tác giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông, nâng cao hiệu quả công tác tư vấn, định hướng phân luồng học sinh phổ thông; cụ thể:

#### **\* Đối với cấp THCS:**

- Thực hiện theo Chương trình GDPT 2018 về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh; lồng ghép giáo dục hướng nghiệp trong các môn học và hoạt động trải nghiệm, đặc biệt ở lớp 8 và lớp 9, đảm bảo chất lượng hiệu quả.

\* Tổ chức các hoạt động tư vấn, trải nghiệm nghề nghiệp đa dạng, thiết thực (tham quan cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, làng nghề; mời chuyên gia, cựu học sinh về chia sẻ; tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh – hướng nghiệp ...). Phối hợp với trung tâm GDNN-GDTX, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn để giới thiệu các ngành nghề, tạo điều kiện cho học sinh được trải nghiệm thực tế.

- Thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của phụ huynh và học sinh về phân luồng sau THCS; cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về các cơ hội học tập sau THCS (học THPT, học GDTX, học nghề). Tư vấn, định hướng lựa chọn con đường học tập phù hợp với năng lực, sở trường và điều kiện của từng học sinh.

\* Đối với cấp THPT:

- Đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp trong các môn học, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; chú trọng tư vấn học sinh lựa chọn tổ hợp môn học sau tuyển sinh 10 đảm bảo phù hợp năng lực, sở trường và định hướng nghề nghiệp của học sinh và tiếp tục tư vấn hướng nghiệp để chuẩn bị cho học sinh lựa chọn ngành học, nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

- Tổ chức tư vấn tuyển sinh – hướng nghiệp, cung cấp thông tin về thị trường lao động, nhu cầu nhân lực, xu hướng nghề nghiệp mới trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, cơ sở GDNN tổ chức hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp, ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh, giúp học sinh có cái nhìn thực tế về ngành nghề, cơ hội học tập và làm việc sau khi tốt nghiệp. Đa dạng hóa hình thức tư vấn, định hướng (tư vấn trực tiếp, trực tuyến, qua tài liệu truyền thông, qua hệ thống quản lý học sinh).

- Nhà trường thực hiện thống kê, theo dõi kết quả phân luồng sau tốt nghiệp THCS và sau tốt nghiệp THPT để có giải pháp điều chỉnh trong công tác giáo dục hướng nghiệp những năm tiếp theo.

#### **4. Thực hiện giáo dục kỹ năng số, triển khai học bạ số**

##### **a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục**

Thực hiện các giải pháp để triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030” tại Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phù hợp với kế hoạch, chương trình hành động của ngành giáo dục và Kế hoạch chuyển đổi số tại địa phương.

Tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá; phát triển kho học liệu số, học liệu mở; triển khai hệ thống quản lý học tập, hệ thống quản lý nhà trường, học bạ số, hồ sơ giáo viên điện tử. Gắn kết hoạt động chuyển đổi số với đổi mới phương pháp dạy học, phát triển năng lực số của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn ngành.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng hiện đại đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và tổ chức dạy học linh hoạt, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến; quan tâm phát triển hạ tầng mạng, thiết bị đầu cuối cho giáo viên và học sinh, đặc biệt ở vùng khó khăn. Đẩy mạnh tổ chức các hoạt động chuyên môn dưới hình thức trực tuyến như dạy học, tập huấn, bồi dưỡng, sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, hội thảo học thuật; triển khai các nền tảng hỗ trợ đào tạo giáo viên qua mạng, xây dựng nội dung tập huấn đáp ứng thực tiễn.

Chủ động xây dựng các kịch bản, phương án tổ chức dạy học trong bối cảnh thiên tai, dịch bệnh hoặc các tình huống bất thường, bảo đảm duy trì hoạt động giáo dục liên tục, không gián đoạn, hướng đến mục tiêu “giáo dục trong mọi hoàn cảnh”.

##### **b) Triển khai thực hiện Khung năng lực số, Học bạ số và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) đổi mới công tác quản lý giáo dục.**

Thực hiện hiệu quả các hoạt động nhằm nâng cao năng lực số cho học sinh phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025, bảo đảm hình thành và phát triển các năng lực thiết yếu của công dân số, đáp ứng yêu cầu nhân lực trong thời đại

Cách mạng công nghiệp 4.0. Thực hiện các nhiệm vụ về Học bạ số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 115/BGDĐT-GDTrH ngày 10/01/2025 và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ chuyển đổi số ngành giáo dục.

Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn trong quản lý và dạy học; đẩy mạnh tự động hóa công tác hành chính, sổ sách điện tử, thời khóa biểu, phân công chuyên môn, quản lý cơ sở vật chất, giảm tải cho cán bộ, giáo viên. Khai thác, sử dụng hiệu quả AI trong hỗ trợ tư vấn hướng nghiệp, cá nhân hóa học tập, nhận diện học sinh cần hỗ trợ, đánh giá chính sách góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả quản trị nhà trường.

**IV. Tiếp tục đổi mới trong công tác quản lý, quản trị trường học và tăng cường công tác kiểm tra**

Tiếp tục triển khai thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục trung học theo quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó tập trung thực hiện có hiệu quả các nội dung sau:

1. Tự chủ xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; trong đó các hoạt động giáo dục được tổ chức thực hiện linh hoạt trong và ngoài giờ lên lớp, trong và ngoài khuôn viên nhà trường. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được Hội đồng trường phê duyệt theo quy định. Các hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra phải dựa trên kế hoạch giáo dục của nhà trường.

2. Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn theo trường và cụm trường. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để từng bước hoàn thiện kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện của nhà trường.

3. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức, quản lý các hoạt động chuyên môn; thực hiện nhập liệu, khai thác, sử dụng thống nhất cơ sở dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo.

4. Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý dạy thêm, học thêm theo Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT và Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định về dạy thêm học thêm trên địa bàn.

5. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục; huy động các nguồn lực xã hội hóa phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu của người học và phù hợp với điều kiện thực tế.

6. Đẩy mạnh xây dựng phát triển liên kết giáo dục với nước ngoài thực hiện chương trình tích hợp theo quy định. Bảo đảm dạy đúng và đầy đủ các môn học tích hợp theo quyết định được phê duyệt và thực hiện đầy đủ các môn học còn lại thuộc CT GDPT 2018.

7. Đẩy mạnh công tác truyền thông, chủ động cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân có liên quan tại địa phương về tình hình thực hiện các chủ trương, chính sách đổi mới đối với giáo dục; tình hình và kết quả triển khai thực hiện chương trình, SGK mới tạo sự đồng thuận của xã hội, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các kết quả hoạt động của ngành; các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến để khích lệ các cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

**V. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục**

**a) Phân phối thời lượng các môn học và HĐ giáo dục bắt buộc cấp Tiểu học**

**\*Khối lớp 1,2,3**

| TT | Hoạt động giáo dục | Số tiết lớp 1 |     |      | Số tiết lớp 2 |     |      | Số tiết lớp 3 |     |      |
|----|--------------------|---------------|-----|------|---------------|-----|------|---------------|-----|------|
|    |                    | Tổng          | HKI | HKII | Tổng          | HKI | HKII | Tổng          | HKI | HKII |

| Môn học bắt buộc              |                                |     |     |     |     |     |     |     |     |     |
|-------------------------------|--------------------------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| 1                             | Tiếng Việt                     | 420 | 216 | 204 | 350 | 180 | 170 | 245 | 126 | 119 |
| 2                             | Toán                           | 105 | 54  | 51  | 175 | 90  | 85  | 175 | 90  | 85  |
| 3                             | Đạo đức                        | 35  | 18  | 17  | 35  | 18  | 17  | 35  | 18  | 17  |
| 4                             | Tự nhiên và xã hội             | 70  | 36  | 34  | 70  | 36  | 34  | 70  | 36  | 34  |
| 5                             | Giáo dục thể chất              | 70  | 36  | 34  | 70  | 36  | 34  | 70  | 36  | 34  |
| 6                             | Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) | 70  | 36  | 34  | 70  | 36  | 34  | 70  | 36  | 34  |
| 7                             | Tin học và công nghệ           |     |     |     |     |     |     | 70  | 34  | 36  |
| 8                             | Ngoại ngữ                      |     |     |     |     |     |     | 140 | 72  | 68  |
| Hoạt động giáo dục bắt buộc   |                                |     |     |     |     |     |     |     |     |     |
| 9                             | Hoạt động trải nghiệm          | 105 | 54  | 51  | 105 | 54  | 51  | 105 | 54  | 51  |
| Môn học tự chọn               |                                |     |     |     |     |     |     |     |     |     |
| 10                            | Tiếng Anh                      | 70  | 34  | 36  | 70  | 34  | 36  |     |     |     |
| Hoạt động củng cố, tăng cường |                                |     |     |     |     |     |     |     |     |     |
| 1                             | Tăng cường Tiếng Việt          | 35  | 18  | 17  | 35  | 18  | 17  | 70  | 36  | 34  |
| 2                             | Tăng cường Toán                | 35  | 18  | 17  | 35  | 18  | 17  | 70  | 36  | 34  |
| 3                             | Tăng cường nghệ thuật          |     |     |     |     |     |     |     |     |     |
| 4                             | Tăng cường Tiếng Anh           | 350 | 108 | 170 | 350 | 108 | 170 | 280 | 144 | 136 |
| 5                             | Tăng cường Tin học             | 70  | 34  | 36  | 70  | 34  | 36  |     |     |     |
| 6                             | Đọc sách                       | 35  | 18  | 17  | 35  | 18  | 17  | 35  | 18  | 17  |

**\* Khối lớp 4,5**

| TT                            | Hoạt động giáo dục             | Số tiết lớp 4 |     |      | Số tiết lớp 5 |     |      |
|-------------------------------|--------------------------------|---------------|-----|------|---------------|-----|------|
|                               |                                | Tổng          | HKI | HKII | Tổng          | HKI | HKII |
| Môn học bắt buộc              |                                |               |     |      |               |     |      |
| 1                             | Tiếng Việt                     | 245           | 126 | 119  | 245           | 126 | 119  |
| 2                             | Toán                           | 175           | 90  | 85   | 175           | 90  | 85   |
| 3                             | Đạo đức                        | 35            | 18  | 17   | 35            | 18  | 17   |
| 4                             | Tự nhiên và xã hội             |               |     |      |               |     |      |
| 5                             | Giáo dục thể chất              | 70            | 36  | 34   | 70            | 36  | 34   |
| 6                             | Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) | 70            | 36  | 34   | 70            | 36  | 34   |
| 7                             | Lịch sử Địa Lí                 | 70            | 36  | 34   | 70            | 36  | 34   |
| 8                             | Khoa học                       | 70            | 36  | 34   | 70            | 36  | 34   |
| 9                             | Tin học và công nghệ           | 70            | 36  | 34   | 70            | 36  | 34   |
| 10                            | Ngoại ngữ (Tiếng Anh)          | 140           | 72  | 68   | 140           | 72  | 68   |
| Hoạt động giáo dục bắt buộc   |                                |               |     |      |               |     |      |
| 11                            | Hoạt động trải nghiệm          | 105           | 54  | 51   | 105           | 54  | 51   |
| Hoạt động củng cố, tăng cường |                                |               |     |      |               |     |      |
| 1                             | Tăng cường Tiếng Việt          | 35            | 18  | 17   |               |     |      |
| 2                             | Tăng cường Toán                |               |     |      | 35            | 18  | 17   |
| 3                             | Tăng cường nghệ thuật          |               |     |      |               |     |      |
| 4                             | Tăng cường Tiếng Anh           | 280           | 144 | 136  | 280           | 144 | 136  |
| 5                             | Đọc sách                       | 35            | 18  | 17   | 35            | 18  | 17   |

**b) Phân phối thời lượng các môn học và HĐ giáo dục bắt buộc cấp THCS**

| ST<br>T | MÔN | K6  |      |    | K7  |      |    | K8  |      |    | K9  |      |    |
|---------|-----|-----|------|----|-----|------|----|-----|------|----|-----|------|----|
|         |     | HKI | HKII | CN | HKI | HKII | CN | HKI | HKII | CN | HKI | HKII | CN |

|              |                            |           |     |     |      |     |     |      |     |     |     |     |     |     |
|--------------|----------------------------|-----------|-----|-----|------|-----|-----|------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| 1            | Toán                       |           | 72  | 68  | 140  | 72  | 68  | 140  | 72  | 68  | 140 | 72  | 68  | 140 |
| 2            | KHTN                       | CTPT 2018 | 72  | 68  | 140  | 72  | 68  | 140  | 72  | 68  | 140 | 72  | 68  | 140 |
|              |                            | Vật lý    | 18  | 34  | 52   | 28  | 16  | 44   | 18  | 26  | 44  | 28  | 16  | 44  |
|              |                            | Hóa       | 31  |     | 31   | 18  | 19  | 37   | 18  | 19  | 37  | 18  | 19  | 37  |
|              |                            | Sinh học  | 23  | 34  | 57   | 26  | 33  | 59   | 36  | 23  | 59  | 26  | 33  | 59  |
| 3            | Tin học                    |           | 18  | 17  | 35   | 18  | 17  | 35   | 18  | 17  | 35  | 18  | 17  | 35  |
| 4            | Ngữ văn                    |           | 72  | 68  | 140  | 72  | 68  | 140  | 72  | 68  | 140 | 72  | 68  | 140 |
| 5            | Lịch sử và Địa lí          | CTPT 2018 | 54  | 51  | 105  | 54  | 51  | 105  | 54  | 51  | 105 | 54  | 51  | 105 |
|              |                            | Lịch sử   | 18  | 34  | 52   | 27  | 26  | 53   | 36  | 17  | 53  | 18  | 34  | 52  |
|              |                            | Địa lý    | 36  | 17  | 53   | 27  | 25  | 52   | 18  | 34  | 52  | 36  | 17  | 53  |
| 6            | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)    |           | 54  | 51  | 105  | 54  | 51  | 105  | 54  | 51  | 105 | 54  | 51  | 105 |
| 7            | GDCD                       |           | 18  | 17  | 35   | 18  | 17  | 35   | 18  | 17  | 35  | 18  | 17  | 35  |
| 8            | Công nghệ                  |           | 18  | 17  | 35   | 18  | 17  | 35   | 18  | 34  | 52  | 35  | 17  | 52  |
| 9            | Giáo dục thể chất          |           | 36  | 34  | 70   | 36  | 34  | 70   | 36  | 34  | 70  | 36  | 34  | 70  |
| 10           | Nghệ thuật                 | Âm nhạc   | 18  | 17  | 35   | 18  | 17  | 35   | 18  | 17  | 35  | 18  | 17  | 35  |
|              |                            | Mỹ thuật  | 18  | 17  | 35   | 18  | 17  | 35   | 18  | 17  | 35  | 18  | 17  | 35  |
| 11           | Trải nghiệm - hướng nghiệp |           | 54  | 51  | 105  | 54  | 51  | 105  | 54  | 51  | 105 | 54  | 51  | 105 |
| 13           | Giáo dục địa phương        | Ngữ văn   | 9   |     | 9    | 9   |     | 9    | 9   |     | 9   | 9   |     | 9   |
|              |                            | Lịch sử   |     | 6   | 6    | 3   | 3   | 6    | 3   | 3   | 6   | 3   | 3   | 6   |
|              |                            | Địa lý    |     | 6   | 6    |     | 6   | 6    |     | 6   | 6   |     | 6   | 6   |
|              |                            | Công nghệ |     | 2   | 2    |     | 2   | 6    |     | 2   | 6   |     | 2   | 6   |
|              |                            | GDCD      |     | 4   | 4    | 4   |     | 4    | 4   |     | 4   | 4   |     | 4   |
|              |                            | Âm nhạc   | 4   |     | 4    |     | 4   | 4    |     | 4   | 4   |     | 4   | 4   |
|              |                            | Mỹ thuật  | 4   |     | 4    |     | 4   | 4    |     | 4   | 4   |     | 4   | 4   |
| SỐ TIẾT /LỚP |                            |           | 522 | 493 | 1015 | 522 | 493 | 1015 | 504 | 459 | 963 | 491 | 464 | 954 |

c) Phân phối thời lượng các môn học và HĐ giáo dục bắt buộc cấp THPT

| STT |       | MÔN   | Khối 10    |            |               | Khối 11    |            |               | Khối 12    |            |               |
|-----|-------|-------|------------|------------|---------------|------------|------------|---------------|------------|------------|---------------|
|     |       |       | HKI        | HKII       | CN            | HKI        | HKII       | CN            | HKI        | HKII       |               |
| 1   | Chung | Toán  | 54<br>18CD | 51<br>17CD | 105 +<br>35CD | 54<br>18CD | 51<br>17CD | 105 +<br>35CD | 54<br>18CD | 51<br>17CD | 105 +<br>35CD |
| 2   |       | N.Văn | 54<br>18CD | 51<br>17CD | 105 +<br>35CD | 54<br>18CD | 51<br>17CD | 105 +<br>35CD | 54<br>18CD | 51<br>17CD | 105 +<br>35CD |
| 3   |       | T.Anh | 54         | 51         | 105           | 5          | 3          | 105           | 3          | 3          | 105           |
| 4   |       | L.Sử  | 36         | 16         | 52            | 36         | 16         | 52            | 36         | 16         | 52            |

|    |            |            |            |            |             |            |            |             |            |            |             |
|----|------------|------------|------------|------------|-------------|------------|------------|-------------|------------|------------|-------------|
| 5  |            | GDTC       | 36         | 34         | 70          | 36         | 34         | 70          | 36         | 34         | 70          |
| 6  |            | QPAN       | 18         | 17         | 35          | 18         | 17         | 35          | 18         | 17         | 35          |
| 7  | Tự<br>chọn | Vật lí     | 36         | 34         | 70          | 36         | 34         | 70          | 36         | 34         | 70          |
| 8  |            | Hoá        | 36         | 34         | 70          | 36         | 34         | 70          | 36         | 34         | 70          |
| 9  |            | Sinh       | 36         | 34         | 70          | 36         | 34         | 70          | 36         | 34         | 70          |
| 10 |            | Địa        | 36         | 34         | 70          | 36         | 34         | 70          | 36         | 34         | 70          |
| 11 |            | GDKT<br>PL | 36         | 34         | 70          | 36         | 34         | 70          | 36         | 34         | 70          |
| 12 |            | Tin        | 36<br>18CD | 34<br>17CD | 70+<br>35CD | 36<br>18CD | 34<br>17CD | 70+<br>35CD | 36<br>18CD | 34<br>17CD | 70+<br>35CD |
| 13 | HĐGD       | HĐTN       | 3          | 3          | 105         | 3          | 3          | 105         | 3          | 3          | 105         |
| 14 |            | GDDP       | 18         | 17         | 35          | 18         | 17         | 35          | 18         | 17         | 35          |

## 2. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 - 2026

### a) Ngày tựu trường, ngày khai giảng

- Lớp 1: Ngày 25/8/2025.
- Các lớp 2,3,4,5: Ngày 28/8/2025.
- Ngày khai giảng, bắt đầu thực hiện chương trình: Ngày 05/9/2025.

### b) Học kì 1: từ 05/9/2025 - 10/01/2026 (Đảm bảo đủ 18 tuần thực học):

- Thực hiện Kế hoạch giáo dục từ tuần 01 đến tuần 18.
- Kiểm tra giữa Học kỳ 1, đánh giá định kỳ học sinh.
- Kiểm tra cuối Học kỳ 1, kết thúc Học kỳ 1 muộn nhất vào ngày 10/01/2026.

### c) Học kì 2: từ 12/01/2026 đến 23/5/2026 (Đảm bảo 17 tuần thực học):

- Thực hiện Kế hoạch giáo dục từ tuần 19 đến tuần 35.
- Kiểm tra giữa Học kỳ 2, đánh giá định kỳ học sinh.
- Nghi Tết Nguyên đán và các Hoạt động giáo dục khác.
- Kiểm tra cuối Học kỳ 2, hoàn thành Kế hoạch giáo dục muộn nhất vào ngày 23/5/2026.
- Kết thúc năm học trước ngày 30/5/2026.
- Xét công nhận hoàn thành Chương trình Tiểu học trước 30/6/2026.
- Hoàn thành thực hiện Học bạ và Học bạ số:
  - + Đối với học sinh Hoàn thành Chương trình lớp học: trước ngày 30/6/2026;
  - + Đối với học sinh phải kiểm tra đánh giá lại trước ngày 15/8/2026.
- Hoàn thành chiêu sinh lớp 1 năm học 2026-2027: trước ngày 31/7/2026.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Trách nhiệm của các thành viên

#### a) Đối với Hiệu trưởng

- Ban hành quyết định thành lập các tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn; Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn nhà trường theo Quy chế chuyên môn đã xây dựng; quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong năm học: GVCN, công tác giảng dạy, công tác kiêm nhiệm...

- Xây dựng dự thảo kế hoạch giáo dục năm học, tổ chức lấy ý kiến các thành viên trong nhà trường để hoàn thiện kế hoạch; thông qua Hội đồng trường và triển khai thực hiện kế hoạch giáo

dục trong nhà trường.

- Chủ trì phối hợp với các bộ phận liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp; liên hệ với các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan để tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thường xuyên công tác tự bồi dưỡng, bồi dưỡng chuyên môn của các tổ chuyên môn, giáo viên.

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra nội bộ.

- Tổ chức thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở trong mọi hoạt động giáo dục.

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục và điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị một cách hiệu quả.

- Thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời chế độ báo cáo theo quy định.

- Thực hiện đánh giá sơ kết, tổng kết và công khai, minh bạch kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường trong năm học.

#### **b) Đối với Phó Hiệu trưởng**

- Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường đã được phê duyệt, chỉ đạo và giám sát các tổ chuyên môn xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch dạy học; kế hoạch kiểm tra đánh giá... cùng với Hiệu trưởng kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của Tổ chuyên môn và giáo viên trong trường

- Quản lý chặt chẽ các hoạt động chuyên môn trong nhà trường và tham mưu với Hiệu trưởng những vấn đề khó khăn, hỗ trợ kịp thời cho giáo viên.

- Phối hợp cùng Hiệu trưởng để tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

- Cùng Hiệu trưởng kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thường xuyên công tác tự bồi dưỡng, bồi dưỡng chuyên môn của các tổ chuyên môn, giáo viên, công tác dự giờ chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém.

- Phân công chuyên môn cho giáo viên theo đúng chuyên ngành đào tạo và phù hợp năng lực mỗi người.

- Tổ chức các hoạt động, hội thi, hội giảng trong năm.

- Chỉ đạo trực tiếp các nội dung sinh hoạt CM NCBH theo cụm trường.

- Theo dõi chất lượng bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ các bộ môn để rút kinh nghiệm và đề xuất giải pháp kịp thời, phù hợp.

- Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chất lượng giáo dục và các hoạt động chuyên môn khác trong nhà trường.

#### **c) Tổ trưởng tổ chuyên môn**

- Chủ trì xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn căn cứ trên KHGD năm học của nhà trường.

- Tổ chức cho các nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp liên môn, kế hoạch dạy học trải nghiệm.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng. Chú trọng đổi mới phương pháp, hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá. Tập trung vào việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học theo Công văn 5555/BGDĐT- GDTrH.

#### **d) Đối với Bộ phận Bán trú**

- Tham mưu Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

- Xây dựng kế hoạch chào cờ đầu tuần, tham mưu hiệu trưởng về việc phân công các thành viên chuẩn bị nội dung chào cờ.
- Tổ chức các HĐ ngoài giờ lên lớp quy mô toàn trường.
- Quản lý nề nếp, quản lý đội sao đỏ nhà trường.

#### **e) Đối với giáo viên**

- Nghiên cứu kỹ các văn bản quy định hiện hành để xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn theo đúng quy định và phù hợp với điều kiện dạy học của nhà trường.
- Xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp với phẩm chất, năng lực của học sinh.
- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo môn học (Giáo viên phải xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm học).
- Phối hợp với nhà trường, BP Bán trú tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.
- Rèn luyện đạo đức nhà giáo, có kế hoạch tự học tập và bồi dưỡng về chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy.
- Thực hiện nghiêm túc Quy chế chuyên môn, Quy chế văn hóa công sở, Quy chế làm việc và các nội quy của nhà trường.

#### **2. Công tác phối hợp**

- Nhà trường chủ động tham mưu chính quyền địa phương tạo mọi điều kiện tốt nhất để các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao nhất.
- Phối hợp với cha mẹ học sinh, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, các tổ chức đoàn thể để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

#### **3. Chế độ thông tin báo cáo**

- Tổ trưởng chuyên môn định kỳ báo cáo hiệu trưởng về tình hình của tổ, có các ý kiến tham mưu đề xuất kịp thời về các công việc có liên quan đến thực hiện đổi mới HĐ dạy học trong nhà trường.
- Các bộ phận thực hiện định kỳ báo cáo theo tuần, tháng, học kỳ để Hiệu trưởng tổng hợp báo cáo cấp trên kịp thời.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo.

Trên đây là kế hoạch giáo dục của Trường TH, THCS & THPT Liên Kết Quốc Tế năm học 2025-2026. Đề nghị cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT
- Ban giám hiệu;
- Các tổ trưởng, tổ phó, GV, CNV;
- Lưu: VT.



**Nguyễn Trần Công Sĩ**

**Phụ lục danh mục các văn bản pháp lý của Bộ giáo dục và đào tạo, Sở giáo dục và đào tạo.**

- Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;
- Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học;
- Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học;
- Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động tin học ở cấp tiểu học;
- Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2;
- Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện CTGDPT cấp tiểu học;
- Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo CTGDPT 2018 cấp tiểu học;
- Công văn số 5335/BGDĐT-GDTH ngày 12/10/2022 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học lớp ghép cấp tiểu học;
- Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học.
- Chương trình giáo dục phổ thông làm quen Tiếng Anh lớp 1 và lớp 2 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;
- Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.
- Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- Công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021-2022;
- Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình;
- Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GDĐT về việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.
- Công văn số 4460/SGDĐT-NV1 ngày 25/10/2023 của Sở GDĐT Đồng Nai về việc triển khai hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.
- Công văn số 68/BGDĐT-GDTrH ngày 06/01/2023 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn chuyển đổi môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập cấp trung học phổ thông;
- Công văn số 3935/BGDĐT-GDTrH ngày 30/7/2024 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025.
- Công văn số 5333/BGDĐT-GDTrH ngày 29/9/2014 của Bộ GDĐT về triển khai kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực môn tiếng Anh cấp trung học từ năm học 2014-2015;

- Công văn số 3333/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2016 của Bộ GDĐT và Công văn số 1965/SGDĐT-GDTrH ngày 28/7/2016 của Sở GDĐT Đồng Nai;
- Công văn số 3839/SGDĐT-NV1 ngày 16/11/2020 của Sở GDĐT Đồng Nai về việc hướng dẫn triển khai thực hiện phong trào học tiếng Anh, xây dựng và phát triển môi trường học và sử dụng ngoại ngữ từ năm học 2020-2021;
- Kế hoạch số 3840/KH-SGDĐT ngày 16/11/2020 của Sở GDĐT Đồng Nai về việc tổ chức phong trào học tiếng Anh, xây dựng và phát triển môi trường học và sử dụng ngoại ngữ trong các nhà trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
- Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của UBND Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường giảng dạy tiếng Anh trong các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm học 2022-2023;
- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024; Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024.
- Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;
- Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.
- Công văn số 1326/SGDĐT-GDPT&GDTX ngày 04/4/2024 về việc đảm bảo cung ứng sách giáo khoa cho học sinh năm học 2024-2025 của Sở GDĐT Đồng Nai;
- Công văn số 2082/SGDĐT-GDPT&GDTX ngày 22/5/2024 về việc triển khai bình ổn giá sách giáo khoa, tập vở học sinh năm học 2024-2025 của Sở GDĐT Đồng Nai.
- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”.
- Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.
- Công văn số 115/BGDĐT-GDTrH ngày 10/01/2025 của BGDĐT về triển khai thí điểm học bạ số cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên;
- Công văn số 119/BGDĐT-GDTH ngày 10/01/2025 của BGDĐT hướng dẫn thực hiện Học bạ số cấp tiểu học; Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 của BGDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số.

